TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2024
V/v " ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Lâm Giang

2. Ông: Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên toà: bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ở hiện nay. Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Giáp Văn T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Giáp Văn T vào năm 2013 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T, mải chơi không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con nên vợ chồng sảy ra mâu thuẫn bất đồng cãi nhau. Đã được gia đình hòa giải nhưng đến nay không cải thiện được vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Giáp Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Giáp Thị Quỳnh A, sinh ngày

04/4/2015, Giáp Quang K, sinh ngày 11/9/2017 Hiện con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung; Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đi làm công ty nên không xin được nghỉ, chị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Giáp Văn T không đến làm việc. tại phiên tòa hôm nay anh T có mặt và anh cũng xác định tình cảm giữa anh và chị H mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung anh cũng nhất trí với ý kiến của chị H xác định vợ chồng có hai con chung như chị H trình bầy là đúng. Nay ly hôn anh cũng nhất trí với quan điểm nếu chị H nuôi cả hai con không yêu cầu anh cấp dưỡng anh đồng ý, nếu chị H không nuôi con thì anh xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi còn vì anh không muốn chia rẽ tình cảm của hai con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thì gian ở chung. Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lưu Thị H. Xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Giáp Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị H được trực tiếp nuôi hai con chung là Giáp Thị Quỳnh A, sinh ngày 4/4/2015 và Giáp Quang K, sinh ngày 01/9/2017; Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị H, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về tiền án phí: chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đương sự, đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lưu Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn là anh Giáp Văn T, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Giáp Văn T có nơi cư trú xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết chị H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lưu Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H kết hôn cùng với anh Giáp Văn T vào ngày 13/6/2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời không tu trí làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ con, vì vậy vợ chồng sảy ra mâu thuẫn, bất đồng, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay chị H xin ly anh T, tại phiên tòa anh T cũng nhất trí ly hôn với chị H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị H đã trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn ly hôn của chị Lưu Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Giáp Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị H và anh Giáp Văn T có 02 con chung là Giáp Thị Quỳnh A, sinh ngày 4/4/2015 và Giáp Quang K, sinh ngày 01/9/2017; hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay ly hôn hai con chung có nguyện vong ở với chị H, chị H xin nuôi cả hai con chung, tại phiên tòa anh T cũng nhất trí giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao 2 con chung cho chị H nuôi là đúng với nguyện vọng của 2 con chung và ý kiến của anh T và chị H. Vì vậy cần giao 2 con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị H. Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lưu Thị H. Xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Giáp Văn T

2. Về con chung: Giao cho chị Lưu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Giáp Thị Quỳnh A, sinh ngày 4/4/2015 và Giáp Quang K, sinh ngày 01/9/2017;

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về tiền án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0006852 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnTân Yên;
- UBND xã Song Vân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh